TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 81/2022/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 05 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 37, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Anh Sồng A H sinh năm 1989 và chị Vàng Thị S sinh năm 1993, nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Anh Sồng A H và chị Vàng Thị S kết hôn với nhau từ năm 2017. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Các bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 04/12/2017 (số 92) và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh H và chị S chung sống hạnh phúc được một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình hòa giải cho nhiều lần nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau.

Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh H và chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh H và chị S.

[2] Về con chung:

Anh H, chị S có 02 con chung là cháu Sồng Thị Ngọc H1 sinh ngày 27/10/2009 và cháu Sồng Mạnh H2 sinh ngày 30/3/2011. Anh H, chị S thống nhất giao cháu Sồng Thị Ngọc H1 và Sồng Mạnh H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H1, cháu H2 đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do anh H không yêu cầu.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị S thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh H, chị S được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sồng A H và chị Vàng Thị S nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Sồng Thị Ngọc H1 sinh ngày 27/10/2009 và cháu Sồng Mạnh H2 sinh ngày 30/3/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu H1, cháu H2 trưởng thành và có khả năng lao động. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị S được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh